

MÔN: ĐỊA LÍ

| STT | Số báo danh | Họ và tên | Phòng kiểm tra số | Lớp | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|-------------------|----------|---------|
| 1 | 110001 | Nguyễn Trường An | 1101 | 11AP1_TA | |
| 2 | 110002 | Huỳnh Thái An | 1101 | 11A1 | |
| 3 | 110007 | Phan Nguyễn Loan Anh | 1101 | 11AP1_TA | |
| 4 | 110008 | Lê Nguyễn Quỳnh Anh | 1101 | 11AP1_TA | |
| 5 | 110009 | Nguyễn Phạm Quỳnh Anh | 1101 | 11AP1_TA | |
| 6 | 110010 | Đào Ngọc Mai Anh | 1101 | 11AP2_TA | |
| 7 | 110011 | Nguyễn Ngọc Trâm Anh | 1101 | 11AP2_TA | |
| 8 | 110012 | Phạm Cao Quỳnh Anh | 1101 | 11A1 | |
| 9 | 110013 | Nguyễn Ngọc Mỹ Anh | 1101 | 11A1 | |
| 10 | 110014 | Trần Quốc Anh | 1101 | 11A1 | |
| 11 | 110015 | Dương Việt Anh | 1101 | 11A1 | |
| 12 | 110016 | Nguyễn Huỳnh Tú Anh | 1101 | 11A2 | |
| 13 | 110017 | Lý Lan Anh | 1101 | 11A2 | |
| 14 | 110018 | Lê Phan Quỳnh Anh | 1101 | 11A2 | |
| 15 | 110019 | Nguyễn Thị Tú Anh | 1101 | 11A2 | |
| 16 | 110020 | Vũ Tuyết Anh | 1101 | 11A2 | |
| 17 | 110021 | Phạm Quỳnh Anh | 1101 | 11A3 | |
| 18 | 110022 | Nguyễn Thị Phương Anh | 1101 | 11A3 | |
| 19 | 110023 | Trần Nam Anh | 1101 | 11A3 | |
| 20 | 110044 | Nguyễn Quốc Anh | 1101 | 11A10 | |
| 21 | 110045 | Nguyễn Hứa Tú Anh | 1101 | 11A11 | |
| 22 | 110046 | Hoàng Phương Anh | 1101 | 11A11 | |
| 23 | 110052 | Phan Huy Bằng | 1101 | 11A11 | |
| 24 | 110053 | Trần Gia Bảo | 1101 | 11AP2_TA | |

Danh sách có 24 học sinh dự kiểm tra.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đông Anh Đào

MÔN: ĐỊA LÍ

| STT | Số báo danh | Họ và tên | Phòng kiểm tra số | Lớp | Ghi chú |
|-----|-------------|-------------------------|-------------------|----------|---------|
| 1 | 110059 | Lê Võ Gia Bảo | 1102 | 11A11 | |
| 2 | 110060 | Phạm Quốc Bình | 1102 | 11A2 | |
| 3 | 110061 | Võ Bảo Ngọc Châu | 1102 | 11A1 | |
| 4 | 110062 | Phạm Đan Châu | 1102 | 11A1 | |
| 5 | 110063 | Phùng Kim Châu | 1102 | 11A1 | |
| 6 | 110064 | Phạm Đan Châu | 1102 | 11A2 | |
| 7 | 110069 | Hà Ngọc Châu | 1102 | 11A11 | |
| 8 | 110073 | Trần Ngọc Diễm Chi | 1102 | 11A11 | |
| 9 | 110074 | Trần Hải Chung | 1102 | 11AP1_TA | |
| 10 | 110075 | Đặng Thị Huyền Chung | 1102 | 11A2 | |
| 11 | 110079 | Nguyễn Đăng Hải Đăng | 1102 | 11A2 | |
| 12 | 110080 | Nguyễn Hải Đăng | 1102 | 11A3 | |
| 13 | 110081 | Nguyễn Hoàng Hải Đăng | 1102 | 11A3 | |
| 14 | 110082 | Phạm Võ Minh Đăng | 1102 | 11A3 | |
| 15 | 110085 | Huỳnh Minh Đăng | 1102 | 11A10 | |
| 16 | 110088 | Nguyễn Hồng Đào | 1102 | 11A2 | |
| 17 | 110089 | Nguyễn Trương Thành Đạt | 1102 | 11AP2_TA | |
| 18 | 110095 | Phạm Tiến Đạt | 1102 | 11A10 | |
| 19 | 110098 | Lê Chí Đức | 1102 | 11AP1_TA | |
| 20 | 110099 | Lê Nguyễn Hiếu Đức | 1102 | 11A1 | |
| 21 | 110106 | Cao Khánh Duy | 1102 | 11AP1_TA | |
| 22 | 110111 | Hồ Hoàng Duy | 1102 | 11A10 | |
| 23 | 110112 | Nguyễn Khương Duy | 1102 | 11A11 | |
| 24 | 110113 | Lê Nguyễn Mỹ Duyên | 1102 | 11A2 | |

Danh sách có 24 học sinh dự kiểm tra.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đông Anh Đào

MÔN: ĐỊA LÍ

| STT | Số báo danh | Họ và tên | Phòng kiểm tra số | Lớp | Ghi chú |
|-----|-------------|-------------------------|-------------------|----------|---------|
| 1 | 110114 | Nguyễn Phạm Kỳ Duyên | 1103 | 11A3 | |
| 2 | 110117 | Võ Ngọc Thùy Duyên | 1103 | 11A11 | |
| 3 | 110118 | Bùi Hương Giang | 1103 | 11A3 | |
| 4 | 110120 | Nguyễn Ngọc Phương Giao | 1103 | 11A10 | |
| 5 | 110121 | Đỗ Ngọc Khánh Giàu | 1103 | 11A1 | |
| 6 | 110122 | Võ Như Ngân Hà | 1103 | 11AP1_TA | |
| 7 | 110123 | Nguyễn Vũ Khánh Hà | 1103 | 11AP2_TA | |
| 8 | 110127 | Nguyễn Ngọc Gia Hân | 1103 | 11A1 | |
| 9 | 110128 | Mai Gia Hân | 1103 | 11A2 | |
| 10 | 110138 | Nguyễn Bảo Hân | 1103 | 11A10 | |
| 11 | 110139 | Trần Gia Hân | 1103 | 11A10 | |
| 12 | 110141 | Danh Trí Hào | 1103 | 11A2 | |
| 13 | 110142 | Phạm Dương Mỹ Hào | 1103 | 11A10 | |
| 14 | 110143 | Mai Tấn Hạo | 1103 | 11A1 | |
| 15 | 110144 | Lê Trung Hiền | 1103 | 11A3 | |
| 16 | 110145 | Nguyễn Thế Hiền | 1103 | 11A11 | |
| 17 | 110146 | Nguyễn Huy Trung Hiếu | 1103 | 11AP2_TA | |
| 18 | 110148 | Lê Đức Hiếu | 1103 | 11A11 | |
| 19 | 110149 | Lê Thanh Hoà | 1103 | 11AP1_TA | |
| 20 | 110150 | Nguyễn Phú Hóa | 1103 | 11AP2_TA | |
| 21 | 110152 | Lê Đức Thịnh Hoàng | 1103 | 11A2 | |
| 22 | 110153 | Nguyễn Thanh Hoàng | 1103 | 11A2 | |
| 23 | 110155 | Huỳnh Kim Hồng | 1103 | 11A10 | |
| 24 | 110159 | Huỳnh Lê Quốc Hưng | 1103 | 11A11 | |

Danh sách có 24 học sinh dự kiểm tra.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đông Anh Đào

MÔN: ĐỊA LÍ

| STT | Số báo danh | Họ và tên | Phòng kiểm tra số | Lớp | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|-------------------|----------|---------|
| 1 | 110160 | Trần Thị Thanh Hương | 1104 | 11A3 | |
| 2 | 110163 | Lê Dương Quỳnh Hương | 1104 | 11A10 | |
| 3 | 110164 | Nguyễn Quỳnh Hương | 1104 | 11A10 | |
| 4 | 110165 | Lê Hoàng Huy | 1104 | 11A1 | |
| 5 | 110166 | Lê Quang Huy | 1104 | 11A1 | |
| 6 | 110174 | Bùi Lâm Gia Huy | 1104 | 11A10 | |
| 7 | 110175 | Trương Quốc Huy | 1104 | 11A10 | |
| 8 | 110176 | Trịnh Hoàng Huy | 1104 | 11A11 | |
| 9 | 110177 | Lữ Nguyễn Gia Huy | 1104 | 11A11 | |
| 10 | 110178 | Phan Ngọc Huyền | 1104 | 11A2 | |
| 11 | 110182 | Nguyễn Đồng Kal | 1104 | 11A1 | |
| 12 | 110183 | Cao Hoàng Khả | 1104 | 11AP2_TA | |
| 13 | 110184 | Trịnh Hoàng Khang | 1104 | 11AP2_TA | |
| 14 | 110185 | Nguyễn Thanh Khang | 1104 | 11A3 | |
| 15 | 110190 | Trần Hoàng Khang | 1104 | 11A11 | |
| 16 | 110191 | Lê Huỳnh Ngọc Khanh | 1104 | 11A1 | |
| 17 | 110192 | Danh Nguyễn Tuấn Khanh | 1104 | 11A10 | |
| 18 | 110193 | Hồng Gia Khánh | 1104 | 11A3 | |
| 19 | 110194 | Lương Gia Khánh | 1104 | 11A3 | |
| 20 | 110197 | Nguyễn Quang Khánh | 1104 | 11A10 | |
| 21 | 110198 | Phạm Nguyễn Ngân Khánh | 1104 | 11A11 | |
| 22 | 110199 | Phạm Gia Khiêm | 1104 | 11AP1_TA | |
| 23 | 110200 | Ngô Gia Khiêm | 1104 | 11A11 | |
| 24 | 110203 | Nguyễn Anh Khoa | 1104 | 11A11 | |

Danh sách có 24 học sinh dự kiểm tra.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đông Anh Đào

MÔN: ĐỊA LÍ

| STT | Số báo danh | Họ và tên | Phòng kiểm tra số | Lớp | Ghi chú |
|-----|-------------|-------------------------|-------------------|----------|---------|
| 1 | 110214 | Dương Hoàng Kim | 1105 | 11A3 | |
| 2 | 110215 | Lê Hoàng Thu Kỳ | 1105 | 11A11 | |
| 3 | 110216 | Nguyễn Thanh Lam | 1105 | 11A2 | |
| 4 | 110217 | Nguyễn Ngọc Quỳnh Lan | 1105 | 11A1 | |
| 5 | 110218 | Trần Nguyễn Thanh Liêm | 1105 | 11A10 | |
| 6 | 110219 | Võ Trần Thảo Linh | 1105 | 11A1 | |
| 7 | 110225 | Nguyễn Thị Cẩm Linh | 1105 | 11A10 | |
| 8 | 110226 | Lê Vũ Trúc Linh | 1105 | 11A11 | |
| 9 | 110227 | Lâm Kim Loan | 1105 | 11A3 | |
| 10 | 110228 | Nguyễn Thành Đại Lộc | 1105 | 11A1 | |
| 11 | 110233 | Trần Huy Long | 1105 | 11A2 | |
| 12 | 110238 | Nguyễn Ngọc Hoàng Long | 1105 | 11A10 | |
| 13 | 110239 | Nguyễn Vương Phương Mai | 1105 | 11A10 | |
| 14 | 110241 | Nguyễn Duy Mạnh | 1105 | 11A3 | |
| 15 | 110243 | Lâm Huỳnh Ánh Minh | 1105 | 11A1 | |
| 16 | 110244 | Nguyễn Đình Thanh Minh | 1105 | 11A2 | |
| 17 | 110245 | Hà Tuyết Minh | 1105 | 11A3 | |
| 18 | 110249 | Ngô Quang Minh | 1105 | 11A11 | |
| 19 | 110250 | Nguyễn Ngọc Khả My | 1105 | 11AP2_TA | |
| 20 | 110252 | Nguyễn Thảo My | 1105 | 11A10 | |
| 21 | 110258 | Trần Hải Nam | 1105 | 11A10 | |
| 22 | 110259 | Văng Bảo Ngân | 1105 | 11AP2_TA | |
| 23 | 110260 | Võ Hoàng Thanh Ngân | 1105 | 11AP2_TA | |
| 24 | 110261 | Nguyễn Thảo Ngân | 1105 | 11A1 | |

Danh sách có 24 học sinh dự kiểm tra.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đông Anh Đào

MÔN: ĐỊA LÍ

| STT | Số báo danh | Họ và tên | Phòng kiểm tra số | Lớp | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|-------------------|----------|---------|
| 1 | 110262 | Nguyễn Âu Ngọc Ngân | 1106 | 11A2 | |
| 2 | 110263 | Nguyễn Phạm Thanh Ngân | 1106 | 11A2 | |
| 3 | 110264 | Nguyễn Khánh Ngân | 1106 | 11A3 | |
| 4 | 110265 | Nguyễn Lê Kim Ngân | 1106 | 11A3 | |
| 5 | 110272 | Phan Trần Kim Ngân | 1106 | 11A10 | |
| 6 | 110273 | Phan Kim Ngân | 1106 | 11A11 | |
| 7 | 110274 | Nguyễn Ngọc Thảo Ngân | 1106 | 11A11 | |
| 8 | 110275 | Nguyễn Xuân Nghi | 1106 | 11A3 | |
| 9 | 110277 | Lê Nguyễn Xuân Nghi | 1106 | 11A10 | |
| 10 | 110279 | Nguyễn Hiếu Nghĩa | 1106 | 11A10 | |
| 11 | 110280 | Nguyễn Quốc Nghĩa | 1106 | 11A10 | |
| 12 | 110281 | Nguyễn Lê Như Ngọc | 1106 | 11AP1_TA | |
| 13 | 110282 | Lê Bảo Ngọc | 1106 | 11AP2_TA | |
| 14 | 110283 | Nguyễn Hồng Ngọc | 1106 | 11AP2_TA | |
| 15 | 110284 | Đinh Phạm Thanh Ngọc | 1106 | 11AP2_TA | |
| 16 | 110285 | Phạm Hồng Bảo Ngọc | 1106 | 11A1 | |
| 17 | 110286 | Đặng Nguyễn Bảo Ngọc | 1106 | 11A1 | |
| 18 | 110287 | Đoàn Khánh Ngọc | 1106 | 11A3 | |
| 19 | 110302 | Nguyễn Xuân Bích Ngọc | 1106 | 11A10 | |
| 20 | 110303 | Dương Huỳnh Mỹ Ngọc | 1106 | 11A11 | |
| 21 | 110304 | Lê Thanh Ngọc | 1106 | 11A11 | |
| 22 | 110305 | Trần Đặng Hà Nguyên | 1106 | 11A1 | |
| 23 | 110306 | Nguyễn Thanh Nguyên | 1106 | 11A2 | |
| 24 | 110315 | Trần Huỳnh Khôi Nguyên | 1106 | 11A11 | |

Danh sách có 24 học sinh dự kiểm tra.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đông Anh Đào

MÔN: ĐỊA LÍ

| STT | Số báo danh | Họ và tên | Phòng kiểm tra số | Lớp | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|-------------------|----------|---------|
| 1 | 110318 | Trần Nguyễn Hoàng Nhân | 1107 | 11A1 | |
| 2 | 110324 | Trần Hữu Nhân | 1107 | 11A10 | |
| 3 | 110327 | Nguyễn Thị Yến Nhi | 1107 | 11AP1_TA | |
| 4 | 110328 | Nguyễn Lê Yến Nhi | 1107 | 11A3 | |
| 5 | 110333 | Tô Hà Hạnh Nhi | 1107 | 11A11 | |
| 6 | 110334 | Lưu Hạnh Nhi | 1107 | 11A11 | |
| 7 | 110335 | Võ Lê Xuân Như | 1107 | 11AP2_TA | |
| 8 | 110336 | Đoàn Thị Quỳnh Như | 1107 | 11AP2_TA | |
| 9 | 110337 | Võ Đặng Ngọc Như | 1107 | 11A10 | |
| 10 | 110338 | Trần Nguyễn Hạnh Như | 1107 | 11A10 | |
| 11 | 110339 | Hồ Trần Quỳnh Như | 1107 | 11A10 | |
| 12 | 110340 | Trần Thị Hồng Nhung | 1107 | 11A1 | |
| 13 | 110341 | Nguyễn Thị Phi Nhung | 1107 | 11A1 | |
| 14 | 110342 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 1107 | 11A3 | |
| 15 | 110344 | Trương Tấn Phát | 1107 | 11A3 | |
| 16 | 110345 | Võ Tấn Phát | 1107 | 11A3 | |
| 17 | 110346 | Quách Trường Phát | 1107 | 11A3 | |
| 18 | 110352 | Lư Nguyễn Yến Phi | 1107 | 11AP1_TA | |
| 19 | 110353 | Lê Phụng Phi | 1107 | 11A1 | |
| 20 | 110354 | Nguyễn Huỳnh Phi | 1107 | 11A11 | |
| 21 | 110355 | Phạm Đoàn Thái Phong | 1107 | 11A1 | |
| 22 | 110357 | Đào Thanh Phong | 1107 | 11A11 | |
| 23 | 110358 | Lê Vũ Phong | 1107 | 11A11 | |
| 24 | 110359 | Hồ Thiện Phú | 1107 | 11A2 | |

Danh sách có 24 học sinh dự kiểm tra.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đông Anh Đào

MÔN: ĐỊA LÍ

| STT | Số báo danh | Họ và tên | Phòng kiểm tra số | Lớp | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|-------------------|----------|---------|
| 1 | 110360 | Nguyễn Trọng Phú | 1108 | 11A2 | |
| 2 | 110365 | Hứa Lê Thanh Phú | 1108 | 11A11 | |
| 3 | 110366 | Nguyễn Diễm Phúc | 1108 | 11A2 | |
| 4 | 110375 | Nguyễn Bá Phúc | 1108 | 11A10 | |
| 5 | 110376 | Đặng Minh Phúc | 1108 | 11A10 | |
| 6 | 110377 | Võ Nguyễn Bảo Phúc | 1108 | 11A10 | |
| 7 | 110378 | Trần Kim Phụng | 1108 | 11A3 | |
| 8 | 110381 | Nguyễn Hữu Phước | 1108 | 11A2 | |
| 9 | 110382 | Trịnh Thiên Phước | 1108 | 11A3 | |
| 10 | 110383 | Dương Hải Phương | 1108 | 11A1 | |
| 11 | 110384 | Bùi Nguyễn Minh Phương | 1108 | 11A2 | |
| 12 | 110385 | Võ Thị Trúc Phương | 1108 | 11A2 | |
| 13 | 110386 | Nguyễn Hoàng Phương | 1108 | 11A3 | |
| 14 | 110387 | Đỗ Minh Phương | 1108 | 11A3 | |
| 15 | 110388 | Võ Ngọc Lan Phương | 1108 | 11A3 | |
| 16 | 110389 | Võ Ngọc Mai Phương | 1108 | 11A3 | |
| 17 | 110392 | Huỳnh Lan Phương | 1108 | 11A11 | |
| 18 | 110393 | Võ Kim Phương | 1108 | 11A3 | |
| 19 | 110394 | Tương Nguyễn Hùng Quân | 1108 | 11A3 | |
| 20 | 110395 | Nguyễn Mạnh Quân | 1108 | 11A10 | |
| 21 | 110397 | Trần Đức Quốc | 1108 | 11AP2_TA | |
| 22 | 110398 | Nguyễn Tiến Quý | 1108 | 11A2 | |
| 23 | 110399 | Hồ Lê Gia Quý | 1108 | 11A3 | |
| 24 | 110401 | Võ Diễm Quyên | 1108 | 11A3 | |

Danh sách có 24 học sinh dự kiểm tra.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đông Anh Đào

MÔN: ĐỊA LÍ

| STT | Số báo danh | Họ và tên | Phòng kiểm tra số | Lớp | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|-------------------|----------|---------|
| 1 | 110404 | Nguyễn Trần Như Quỳnh | 1109 | 11A1 | |
| 2 | 110406 | Nguyễn Hoàng Minh Sang | 1109 | 11A2 | |
| 3 | 110409 | Nguyễn Hoàng Sơn | 1109 | 11A2 | |
| 4 | 110411 | Đỗ Thị Diễm Sương | 1109 | 11A2 | |
| 5 | 110414 | Nguyễn Ngọc Ngân Tâm | 1109 | 11A2 | |
| 6 | 110417 | Đào Tân | 1109 | 11A10 | |
| 7 | 110418 | La Nhật Tây | 1109 | 11A10 | |
| 8 | 110421 | Võ Đức Quốc Thắng | 1109 | 11A11 | |
| 9 | 110425 | Võ Hoàng Đình Thảo | 1109 | 11A1 | |
| 10 | 110427 | Nguyễn Tiên Như Thảo | 1109 | 11A11 | |
| 11 | 110428 | Nguyễn Đức Thiên | 1109 | 11A2 | |
| 12 | 110430 | Trương Minh Thiện | 1109 | 11A1 | |
| 13 | 110431 | Võ Trường Thịnh | 1109 | 11AP2_TA | |
| 14 | 110435 | Diệp Tiến Thịnh | 1109 | 11A10 | |
| 15 | 110436 | Tô Phúc Thịnh | 1109 | 11A11 | |
| 16 | 110437 | Nguyễn Hoàng Anh Thơ | 1109 | 11AP2_TA | |
| 17 | 110440 | Đỗ Minh Thư | 1109 | 11AP1_TA | |
| 18 | 110441 | Đinh Thị Ngọc Thư | 1109 | 11AP1_TA | |
| 19 | 110442 | Nguyễn Thanh Thư | 1109 | 11A1 | |
| 20 | 110443 | Trần Anh Thư | 1109 | 11A3 | |
| 21 | 110444 | Trần Minh Thư | 1109 | 11A3 | |
| 22 | 110448 | Phạm Chí Thuận | 1109 | 11AP2_TA | |
| 23 | 110449 | Trần Quang Thuận | 1109 | 11A1 | |
| 24 | 110450 | Trần Nhật Phương Thùy | 1109 | 11A11 | |

Danh sách có 24 học sinh dự kiểm tra.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đông Anh Đào

MÔN: ĐỊA LÍ

| STT | Số báo danh | Họ và tên | Phòng kiểm tra số | Lớp | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|-------------------|----------|---------|
| 1 | 110451 | Nguyễn Thị Thanh Thủy | 1110 | 11A1 | |
| 2 | 110452 | Huỳnh Ngọc Mỹ Tiên | 1110 | 11AP1_TA | |
| 3 | 110453 | Võ Ngọc Tiên | 1110 | 11A1 | |
| 4 | 110454 | Huỳnh Xuân Tiên | 1110 | 11A3 | |
| 5 | 110458 | Lâm Tiến | 1110 | 11A2 | |
| 6 | 110461 | Nguyễn Thanh Tiên | 1110 | 11A10 | |
| 7 | 110462 | Trần Nguyễn Nam Tiến | 1110 | 11A11 | |
| 8 | 110464 | Mai Minh Tín | 1110 | 11A10 | |
| 9 | 110465 | Nguyễn Trung Tín | 1110 | 11A10 | |
| 10 | 110467 | Ngô Nguyễn Ngọc Trâm | 1110 | 11A3 | |
| 11 | 110470 | Trần Thị Nhã Trân | 1110 | 11AP1_TA | |
| 12 | 110471 | Lê Huyền Trân | 1110 | 11A1 | |
| 13 | 110472 | Phạm Ngọc Kiều Trân | 1110 | 11A3 | |
| 14 | 110475 | Nguyễn Thị Hải Trân | 1110 | 11A11 | |
| 15 | 110476 | Võ Lê Thùy Trang | 1110 | 11AP1_TA | |
| 16 | 110477 | Phạm Nguyễn Thảo Trang | 1110 | 11A2 | |
| 17 | 110479 | Trương Tài Trí | 1110 | 11AP2_TA | |
| 18 | 110482 | Lê Thị Diễm Trinh | 1110 | 11A1 | |
| 19 | 110483 | Thị Thanh Trúc | 1110 | 11AP1_TA | |
| 20 | 110484 | Nguyễn Xuân Trúc | 1110 | 11AP2_TA | |
| 21 | 110489 | Văn Hoài Trung | 1110 | 11A11 | |
| 22 | 110490 | Nguyễn Anh Trường | 1110 | 11A3 | |
| 23 | 110491 | Nguyễn Thị Ngọc Tú | 1110 | 11AP1_TA | |
| 24 | 110492 | Hoàng Vương Anh Tú | 1110 | 11A2 | |

Danh sách có 24 học sinh dự kiểm tra.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đông Anh Đào

MÔN: ĐỊA LÍ

| STT | Số báo danh | Họ và tên | Phòng kiểm tra số | Lớp | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|-------------------|----------|---------|
| 1 | 110493 | Lê Đình Hương Tú | 1111 | 11A3 | |
| 2 | 110494 | Nguyễn Huỳnh Hữu Tuấn | 1111 | 11AP2_TA | |
| 3 | 110496 | Nguyễn Trường Tùng | 1111 | 11A1 | |
| 4 | 110497 | Lê Sơn Tùng | 1111 | 11A3 | |
| 5 | 110499 | Nguyễn Ngọc Tuyền | 1111 | 11A10 | |
| 6 | 110500 | Phạm Nguyễn Thái Uyên | 1111 | 11A2 | |
| 7 | 110501 | Đỗ Thị Phương Uyên | 1111 | 11A2 | |
| 8 | 110504 | Khru Tuyết Vân | 1111 | 11A2 | |
| 9 | 110505 | Trần Nguyễn Nhật Vi | 1111 | 11A2 | |
| 10 | 110510 | Ngô Quang Vinh | 1111 | 11A10 | |
| 11 | 110511 | Nguyễn Huy Vũ | 1111 | 11A10 | |
| 12 | 110513 | Cao Kỳ Vy | 1111 | 11AP1_TA | |
| 13 | 110514 | Nguyễn Phương Vy | 1111 | 11AP1_TA | |
| 14 | 110515 | Phạm Dương Thảo Vy | 1111 | 11AP2_TA | |
| 15 | 110516 | Võ Đình Khánh Vy | 1111 | 11AP2_TA | |
| 16 | 110517 | Nguyễn Ngọc Tường Vy | 1111 | 11AP2_TA | |
| 17 | 110518 | Nguyễn Phan Nhã Vy | 1111 | 11A1 | |
| 18 | 110519 | Hoàng Trương Thảo Vy | 1111 | 11A1 | |
| 19 | 110520 | Nguyễn Khánh Vy | 1111 | 11A2 | |
| 20 | 110527 | Nguyễn Khả Vy | 1111 | 11A10 | |
| 21 | 110528 | Nguyễn Lê Thúy Vy | 1111 | 11A11 | |
| 22 | 110529 | Phạm Thảo Vy | 1111 | 11A11 | |
| 23 | 110530 | Trần Thị Thúy Vy | 1111 | 11A11 | |
| 24 | 110531 | Trịnh Trần Gia Vy | 1111 | 11A11 | |

Danh sách có 24 học sinh dự kiểm tra.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đông Anh Đào

MÔN: ĐỊA LÍ

| STT | Số báo danh | Họ và tên | Phòng kiểm tra số | Lớp | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|-------------------|----------|---------|
| 1 | 110534 | Mai Như Ý | 1112 | 11AP1_TA | |
| 2 | 110535 | Trần Như Ý | 1112 | 11A1 | |
| 3 | 110536 | Phan Như Ý | 1112 | 11A2 | |
| 4 | 110537 | Trần Hoàng Yến | 1112 | 11A2 | |
| 5 | 110538 | Nguyễn Thị Phi Yến | 1112 | 11A10 | |
| 6 | 110539 | Ngô Ngọc Yến | 1112 | 11A11 | |
| 7 | 110540 | Nguyễn Thanh Khả Ái | 1112 | 11AP2_TP | |
| 8 | 110541 | La Trần Trâm Anh | 1112 | 11AP1_TP | |
| 9 | 110542 | Bùi Lê Quốc Anh | 1112 | 11AP2_TP | |
| 10 | 110543 | Đình Ngọc Anh | 1112 | 11AP2_TP | |
| 11 | 110544 | Nguyễn Ngọc Tuyết Băng | 1112 | 11AP2_TP | |
| 12 | 110545 | Dương Đoàn Gia Bảo | 1112 | 11AP1_TP | |
| 13 | 110546 | Nguyễn Gia Bảo | 1112 | 11AP2_TP | |
| 14 | 110547 | Cao Nguyễn Phương Châm | 1112 | 11AP1_TP | |
| 15 | 110548 | Thái Ngô Ngọc Châu | 1112 | 11AP1_TP | |
| 16 | 110549 | Huỳnh Kim Chi | 1112 | 11AP2_TP | |
| 17 | 110550 | Thái Nguyễn Chấn Dương | 1112 | 11AP2_TP | |
| 18 | 110551 | Lê Thanh Hải | 1112 | 11AP1_TP | |
| 19 | 110552 | Ngô Bùi Việt Hưng | 1112 | 11AP2_TP | |
| 20 | 110553 | Nguyễn Xuân Hương | 1112 | 11AP1_TP | |
| 21 | 110554 | Lý Gia Huy | 1112 | 11AP2_TP | |
| 22 | 110555 | Phạm Gia Khiêm | 1112 | 11AP2_TP | |
| 23 | 110556 | Văn Mỹ Lê | 1112 | 11AP1_TP | |
| 24 | 110557 | Nguyễn Lộc | 1112 | 11AP2_TP | |

Danh sách có 24 học sinh dự kiểm tra.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đông Anh Đào

MÔN: ĐỊA LÍ

| STT | Số báo danh | Họ và tên | Phòng kiểm tra số | Lớp | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|-------------------|----------|---------|
| 1 | 110558 | Nguyễn Xuân Mai | 1113 | 11AP2_TP | |
| 2 | 110559 | Trần Hồng Mẫn | 1113 | 11AP2_TP | |
| 3 | 110560 | Đoàn Nguyễn Kim Ngân | 1113 | 11AP1_TP | |
| 4 | 110561 | Lê Nguyễn Phương Nghi | 1113 | 11AP1_TP | |
| 5 | 110562 | Đỗ Trọng Nghĩa | 1113 | 11AP2_TP | |
| 6 | 110563 | Trịnh Lý Đình Nguyên | 1113 | 11AP2_TP | |
| 7 | 110564 | Trần Quang Phát | 1113 | 11AP1_TP | |
| 8 | 110565 | Nguyễn Đức Đăng Quang | 1113 | 11AP2_TP | |
| 9 | 110566 | Mai Lan Thảo | 1113 | 11AP1_TP | |
| 10 | 110567 | Huỳnh Thị Bảo Thy | 1113 | 11AP1_TP | |
| 11 | 110568 | Nguyễn Bảo Trân | 1113 | 11AP1_TP | |
| 12 | 110569 | Huỳnh Tuyết Tuyết | 1113 | 11AP1_TP | |
| 13 | 110570 | Đặng Huyền Vinh | 1113 | 11AP1_TP | |
| 14 | 110571 | Đỗ Nguyễn Vương | 1113 | 11AP2_TP | |

Danh sách có 14 học sinh dự kiểm tra.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Đông Anh Đào